



**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14 /2010/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 7 năm 2010.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đơn giá sản phẩm: Đo đạc thành lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định về hệ thống thang bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu chung;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 83/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 27/8/2003 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc phân cấp quản lý và thanh quyết toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 hướng dẫn chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng và công nhân, viên chức, nhân viên trong các công ty nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2009/TTLT-BNV-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức Chính trị, tổ chức Chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000;

Căn cứ Quyết định số 10/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/5/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27/2/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán công tác đo đạc, bản đồ;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-TNMT ngày 16/6/2010 về việc đề nghị ban hành Bộ Đơn giá Đo đạc thành lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Đơn giá Đo đạc thành lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Đo đạc địa chính: Gồm các nội dung công việc quy định tại điểm 1.1 mục 1 phần 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 10/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

1.1. Lập lưới địa chính.

1.2. Đo đạc thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo đạc trực tiếp.

1.3. Đo đạc thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo đạc trực tiếp đối với trường hợp đo phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng khu công nghiệp, các công trình giao thông, thủy lợi, công trình điện năng.

1.4. Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính.

1.5. Số hoá và chuyển hệ bản đồ địa chính.

1.6. Trích đo địa chính thửa đất.

1.7. Đo đạc chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính, bản trích lục trích đo địa chính.

1.8. Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính do yếu tố quy hoạch.

1.9. Đo đạc bổ sung tài sản gắn liền với đất.

(chi tiết có biểu số 01 đến biểu số 10 kèm theo)

2. Đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Gồm các nội dung công việc quy định tại điểm 1.2 mục 1 phần 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 10/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

2.1. Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với đất ở (sau đây gọi chung là người sử dụng đất) tại xã, thị trấn (gọi chung là cấp xã) cho trường hợp thực hiện đăng ký và xét cấp giấy cho nhiều người sử dụng đất ở cấp xã (gọi tắt là đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt ở xã).

2.2. Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với đất ở tại phường cho trường hợp thực hiện đăng ký cấp giấy và xét cấp giấy cho nhiều người sử dụng đất ở phường (gọi tắt là đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt ở phường).

2.3. Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bổ sung trong Hồ sơ địa chính đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với đất ở tại xã, thị trấn (gọi tắt là đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn lẻ ở xã).

2.4. Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bổ sung trong Hồ sơ địa chính đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với đất ở tại phường (gọi tắt là đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn lẻ ở phường).

2.5. Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập Hồ sơ địa chính cho người sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy.

2.6. Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy (trường hợp hồ sơ nộp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường).

2.7. Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.8. Đăng ký biến động về sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được quyền mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại xã, thị trấn trong trường hợp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.9. Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và người Việt Nam định cư ở nước ngoài được quyền mua nhà ở gắn liền với đất ở sử dụng đất tại phường và sử dụng đất tại xã, thị trấn đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường.

2.10. Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất khi thực hiện chủ trương “dồn điền, đổi thửa”.

2.11. Cấp đổi hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất khi chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hai hộ gia đình, cá nhân.

2.12. Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.13. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập lại hồ sơ địa chính thực hiện đồng thời cho nhiều hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với đất ở tại xã sau khi đo vẽ bản đồ địa chính chính quy thay thế cho tài liệu đo đạc cũ.

2.14. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nhiều thửa đất của mỗi hộ gia đình, cá nhân thành giấy chứng nhận cấp cho từng thửa đất có chỉnh lý hồ sơ địa chính.

2.15. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập lại hồ sơ địa chính thực hiện đồng thời cho nhiều hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với đất ở tại phường sau khi đo vẽ bản đồ địa chính chính quy thay thế cho tài liệu đo đạc cũ.

2.16. Kiểm tra, thẩm định trích đo địa chính.

2.17. Chuyển hồ sơ địa chính phần thuộc tính sang dạng số.

2.18. Trích lục hồ sơ địa chính.

(chi tiết có biểu số 11a, 11b, 11c, 11d kèm theo)

3. Số hoá bản đồ địa hình, chuyển hệ tọa độ bản đồ địa hình số dạng vectơ từ hệ HN-72 sang hệ VN-2000, thành lập bản đồ chuyên đề: *(chi tiết có biểu số 12 đến biểu số 14 kèm theo)*

4. Các chi phí chưa tính trong đơn giá:

Bộ đơn giá sản phẩm ban hành theo quyết định này chưa bao gồm các khoản chi phí khác theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27/2/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính và thuế giá trị gia tăng; Các khoản chi phí chưa có trong Bộ đơn giá này được xem xét xác định khi lập và giao dự toán cho từng dự án cụ thể.

Điều 2: Đối tượng, phạm vi áp dụng

- Bộ đơn giá quy định tại Quyết định này được áp dụng để lập dự toán, giao dự toán và quyết toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai đối với các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế;

Khi xác định dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ do đơn vị sự nghiệp thực hiện không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định. Đối với đơn vị sự nghiệp được giao biên chế, được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động thường xuyên còn phải trừ toàn bộ kinh phí đã bố trí cho số biên chế của đơn vị trong thời gian thực hiện dự án, nhiệm vụ.

- Các dự án, nhiệm vụ chưa có định mức, đơn giá quy định tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Khi có sự thay đổi về chính sách chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập và trình sửa đổi, bổ sung đơn giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký;

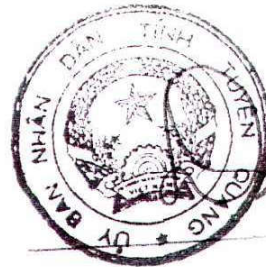
Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư; Chi cục trưởng Chi cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (Thi hành)
- Các Phó VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Trưởng, Phó TP: KT, TH, NC;
- Chuyên viên ĐC;
- Lưu: VT (T68).

(báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Chiến